

Số: /CSVN-QLĐTĐXD

TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO THAM LUẬN
Tình hình thực hiện chính sách giao khoán đất nông nghiệp
tại các công ty cao su thành viên Tập đoàn

Kính thưa.....

Căn cứ Công văn số 34/HK/HKHKT ngày 02/7/2025 của Hội Khoa học kinh tế Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam về việc mời viết báo cáo tham luận và tham dự Hội thảo. Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam báo cáo tham luận về tình hình thực hiện chính sách giao khoán đất nông nghiệp tại các đơn vị cao su thành viên Tập đoàn như sau:

I. Giới thiệu chung

Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam – Công ty Cổ phần là doanh nghiệp nhà nước, có vốn điều lệ 40.000 tỷ đồng, vốn nhà nước chiếm 96,77% vốn điều lệ. Tập đoàn và các đơn vị thành viên tổ chức, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, mô hình quản lý Công ty Mẹ - Công ty con; Công ty Mẹ Tập đoàn hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần đại chúng quy mô lớn, có mã chứng khoán là GVR. Hội đồng quản trị Tập đoàn gồm có 8 thành viên, trong đó có 2 thành viên HĐQT độc lập, bảo đảm cơ cấu theo đúng quy định;

Hiện Tập đoàn đang đầu tư vào 99 công ty con và 16 công ty liên kết ở trong nước và nước ngoài (Lào và Campuchia).

Ngành nghề kinh doanh chính của Tập đoàn hiện nay tập trung vào năm (05) lĩnh vực truyền thống, có thể mạnh gồm: ⁽¹⁾ Trồng, chăm sóc, khai thác chế biến mủ cao su, khai thác gỗ củi cao su; ⁽²⁾ sản xuất các sản phẩm từ gỗ cao su; ⁽³⁾ Đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp trên đất cao su; ⁽⁴⁾ Sản phẩm công nghiệp cao su; ⁽⁵⁾ Chuyển đổi đất trồng cao su để phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và cơ giới hóa.

Mục tiêu phát triển của Tập đoàn: Phát triển kinh tế gắn liền với an ninh quốc phòng, trách nhiệm xã hội và bảo vệ môi trường.

Địa bàn hoạt động của Tập đoàn trải dài trên 34 tỉnh, thành phố khắp cả nước và cả 2 nước bạn Lào, Campuchia. Hiện Tập đoàn đang quản lý, sử dụng **379.465 ha** cao su (gồm 266.099 ha trong nước, 87.872 ha tại Campuchia và 25.494 ha tại Lào);

Với quỹ đất rộng lớn, việc quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai luôn là ưu tiên hàng đầu của Tập đoàn. Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường và

hội nhập kinh tế quốc tế, chính sách giao khoán đất nông nghiệp được xem là một giải pháp then chốt nhằm tối ưu hóa hiệu quả sử dụng đất, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần phát triển bền vững ngành cao su.

Hiện nay, tổng số lao động của toàn Tập đoàn là 81.013 người, trong đó số lao động là người đồng bào dân tộc thiểu số làm việc tại các đơn vị thành viên Tập đoàn là 17.269 người, chiếm 21,3% tổng số lao động toàn Tập đoàn (chủ yếu ở các khu vực miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên); Số lao động Người Lào làm việc tại các công ty cao su thành viên Tập đoàn tại Lào là 4.138 người (chiếm tỷ lệ 5,1%) và lao động Người Campuchia là 15.719 người (chiếm tỷ lệ 19,4%).

Việc đánh giá một cách khách quan, toàn diện về tình hình thực hiện chính sách giao khoán đất nông nghiệp trong thời gian qua tại các công ty cao su thành viên là rất cần thiết, chỉ ra được những ưu điểm nổi bật mà chính sách mang lại, đồng thời xác định được những tồn tại, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, từ góc độ pháp lý, quản lý, đến thực tiễn sản xuất, để từ đó đề ra những giải pháp phù hợp nhằm tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nâng cao hơn nữa hiệu quả của chính sách giao khoán đất trong thời gian tới, góp phần vào sự phát triển bền vững của Tập đoàn và đời sống người lao động.

II. Tình hình thực hiện giao khoán đất nông nghiệp

2.1. Khu vực Đông Nam Bộ: có 306 hộ nhận khoán 11.735.414 m² đất nông nghiệp, tại 02 Công ty thành viên Tập đoàn, cụ thể như sau:

a) Tại Công ty Cổ phần Cao su Đồng Phú: có 11 hộ nhận khoán 983.274 m² theo Nghị định 01/CP từ năm 1993 đến năm 1995, thời gian khoán là 36 năm. Hình thức giao/nhận khoán như sau:

- + Bên giao khoán: thu mua toàn bộ sản phẩm khai thác trong suốt chu kỳ của cây cao su, thanh toán kịp thời theo giá thị trường từng thời điểm.

- + Bên nhận khoán: tự bỏ vốn đầu tư phục hoang, trồng, chăm sóc và khai thác, bán 100% sản lượng mủ cao su khai thác hàng ngày cho Bên giao khoán, đồng thời nộp tiền thuê đất và các loại thuế đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành của Nhà nước, khi thanh lý cao su Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị gỗ vườn cây khoán.

b) Tại Công ty Cổ phần Cao su Phước Hòa: có 295 hộ nhận khoán 10.392.140 m² theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP có thời gian khoán 30 năm (thực hiện từ năm 2006 đến 2017) và Nghị định 168/2016/NĐ-CP có thời gian khoán 20 năm (thực hiện từ năm 2017, 2018). Trong đó có 02 hình thức giao khoán chủ yếu sau:

- Hình thức 1: có 51 hộ nhận khoán 1.321.782 m², thời gian khoán 20-30 năm. Bên giao khoán: đầu tư vốn để phục hoang, trồng, thu mua toàn bộ sản phẩm khai thác trong suốt chu kỳ của cây cao su, thanh toán kịp thời theo giá thị trường tại từng thời điểm cho bên nhận khoán. Khi thanh lý cây cao su Bên giao khoán được hưởng 40% giá trị gỗ vườn cây khoán.

Bên nhận khoán: chăm sóc và khai thác mủ, bán 100% mủ cao su khai thác hàng ngày cho Bên giao khoán, nộp tiền thuê đất và các loại thuế đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành của Nhà nước, khi thanh lý cao su Bên nhận khoán được hưởng 60% giá trị gỗ vườn cây khoán.

- Hình thức 2: có 244 hộ nhận khoán 9.070.357,5 m², thời gian khoán 20-30 năm. Bên giao khoán thu mua toàn bộ sản phẩm mủ khai thác trong suốt chu kỳ cây cao su, thanh toán kịp thời theo giá thị trường tại từng thời điểm.

Bên nhận khoán: tự bỏ vốn đầu tư phục hoang, trồng, chăm sóc và khai thác, bán 100% sản lượng mủ cao su khai thác hàng ngày cho Bên giao khoán, đồng thời nộp tiền thuê đất và các loại thuế đầy đủ, kịp thời theo quy định hiện hành của Nhà nước, khi thanh lý cao su Bên nhận khoán được hưởng 100% giá trị gỗ vườn cây khoán.

2.2. Khu vực Tây Nguyên: có 01 đơn vị là Công An tỉnh Gia Lai nhận khoán 1.211.100 m² đất trồng cây cao su với Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê từ năm 1997 theo Nghị định 01/CP.

- Hình thức giao/nhận khoán:

+ Bên giao khoán: cho Bên nhận khoán vay vốn để khai hoang, trồng mới, chăm sóc cao su theo suất đầu tư được duyệt. Tiêu thụ sản phẩm theo giá được hai bên thỏa thuận trên cơ sở giá thị trường tại từng thời điểm.

+ Bên nhận khoán: thực hiện Khai hoang xây dựng vườn cây, trồng, chăm sóc cao su theo quy trình kỹ thuật của Bên giao khoán; Hoàn trả vốn vay đầu tư cả gốc và lãi cho Bên giao khoán; Nộp các khoản thuế sử dụng đất, thuế khác theo luật định; Bán sản phẩm mủ cao su cho Bên giao khoán.

- Hiện nay hợp đồng giao khoán đã hết hạn nhưng Công An tỉnh Gia Lai vẫn chưa trả đất lại cho Công ty.

2.3. Khu vực duyên hải miền Trung: có 2.020 hộ nhận khoán đất nông nghiệp tại 03 Công ty thành viên Tập đoàn, cụ thể như sau:

a) Tại Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa: có 1.966 hộ nhận khoán 28.612.500 m² theo Nghị định sau:

+ Theo Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 là 4.979.600 m² có 671 hộ nhận khoán, thời gian khoán 50 năm;

+ Theo Nghị định 135/NĐ-CP ngày 08/11/2005 là 6.877.600 m² có 175 hộ nhận khoán, thời gian khoán 30 năm;

+ Theo Nghị định 168/NĐ-CP ngày 27/12/2016 là 1.675,53 m² có 1.120 hộ nhận khoán, thời gian khoán 30 năm.

- Hình thức giao/nhận khoán như sau:

+ Đối với diện tích cao su tiêu điền trồng trên đất các nông trường theo chương trình dự án 327, 661 tỉnh Thanh Hóa trước đây. Công ty thực hiện dịch vụ tập huấn về trồng, chăm sóc, bảo vệ thực vật, thu hoạch. Thời kỳ thu hoạch

công ty thu mua, bao tiêu toàn bộ sản phẩm, các hộ nhận khoán phải nộp 10% phí quản lý cho công ty trên khối lượng sản phẩm định mức.

+ Đối với cây hàng năm, cây ăn quả, rừng sản xuất: Công ty thực hiện các hoạt động dịch vụ khuyến nông, khuyến lâm; Dịch vụ tiêu thụ sản phẩm của người nhận khoán; dịch vụ giống cây trồng; dịch vụ phòng trừ sâu bệnh; dịch vụ vận tải. Đầu tư vật tư, tiền vốn cần thiết phục vụ sản xuất trên cơ sở các định mức kinh tế kỹ thuật và ký hợp đồng với các Nhà máy đường, cơ sở chế biến nông sản để tiêu thụ sản phẩm, các hộ nhận khoán nộp 10% phí quản lý cho Công ty trên khối lượng sản phẩm định mức.

b) Tại Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh: có 34 hộ nhận khoán 5.148.900 m² đất theo Nghị định 01/CP, Nghị định 135 và Nghị định 168, thời gian giao khoán 50 năm (từ năm 2004, 2005). Cụ thể:

- Nghị định 01/CP: có 5 hộ, diện tích 196 ha, thời gian ký hợp đồng từ năm 1995 đến năm 2004. Thời hạn hợp đồng 50 năm tính từ ngày ký hợp đồng;

- Nghị định 135/NĐ-CP: có 30 hộ, diện tích 318,89 ha. thời gian ký hợp đồng từ 2005 đến năm 2016. Thời hạn hợp đồng 50 năm tính từ ngày ký hợp đồng, hình thức giao khoán ổn định;

- Nghị định 135/NĐ-CP chuyển sang Nghị định 168/2016/NĐ-CP: có 13 hộ, diện tích 96,22 ha (diện tích này chuyển từ Hợp đồng cũ đã ký theo Nghị định 135/NĐ-CP, không có hộ phát sinh mới), thời gian ký hợp đồng từ năm 2019 đến năm 2021, thời hạn giao khoán tính từ thời gian còn lại theo hợp đồng đã ký và căn cứ theo thời hạn được công ty thuê đất để tính. Hình thức giao khoán ổn định.

- Hình thức giao/nhận khoán như sau:

+ Bên giao khoán: xác định diện tích, vị trí ranh giới đất giao khoán, kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng, hướng dẫn kỹ thuật, giải quyết tranh chấp nếu có.

+ Bên nhận khoán: tự bỏ vốn đầu tư trên diện tích đất chưa có rừng để trồng rừng cây Keo và một phần diện tích rừng tự nhiên đưa vào quản lý bảo vệ rừng không tác động.

c) Tại Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị: có 20 hộ nhận khoán 100.200 m² đất nông nghiệp, thời gian giao khoán 50 năm (từ năm 1996, 1997).

- Hình thức giao/nhận khoán như sau:

+ Bên giao khoán: xác định đúng diện tích, vị trí ranh giới, giá trị cây trồng và các công trình trên đất giao khoán, giám sát kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện hợp đồng. Đào tạo tay nghề, hướng dẫn kỹ thuật, thu mua và bao tiêu sản phẩm mủ cao su khai thác theo giá thị trường tại từng thời điểm.

+ Bên nhận khoán: chủ động sản xuất trên đất nhận khoán với cây trồng chính là cao su, đầu tư chăm sóc cây cao su đúng theo quy trình kỹ thuật, được hưởng mọi thành quả lao động và kết quả đầu tư sản phẩm làm ra, được làm công trình trực tiếp phục vụ cho sản xuất trên diện tích đất nhận khoán theo quy

định hướng dẫn của bên giao khoán. Được đền bù tài sản trên đất nhận khoán trong trường hợp nhà nước thu hồi một phần hoặc toàn bộ đất giao khoán để sử dụng vào mục đích khác.

Trường hợp bị thiên tai rủi ro được xét miễn giảm nộp các khoản nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Thành viên trong hộ, người thừa kế hợp pháp được tiếp tục thay thế chủ hộ thực hiện hợp đồng khoán đến hết thời gian khoán.

Đối với cây đai rừng phòng hộ tính tỷ lệ 30/70% ăn chia (Bên giao khoán 30%, Bên nhận khoán 70%). Bán sản phẩm mủ cho Bên giao khoán theo giá thị trường tại từng thời điểm. Nộp đầy đủ và đúng kỳ hạn các khoản nghĩa vụ cho nhà nước. Trả lại đất nhận khoán khi cơ quan có thẩm quyền thu hồi sử dụng vào mục đích khác.

BIỂU TỔNG HỢP DIỆN TÍCH GIAO KHOÁN ĐẤT NÔNG NGHIỆP

TT	Tên công ty/đơn vị	Tổng số hộ dân nhận khoán đất nông nghiệp (hộ)	Tổng diện tích đất nông nghiệp nhận khoán từ Công ty (m ²)
I	Khu vực Đông Nam Bộ	306	11.375.414
1	Công ty CP Cao su Đồng Phú	11	983.274
2	Công ty CP Cao su Phước Hòa	295	10.392.140
II	Khu vực Tây Nguyên	1	1.211.100
1	Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê	1	1.211.100
III	Khu vực duyên hải miền Trung	2.020	34.797.000
1	Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa	1.966	28.612.500
2	Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - HT	34	5.148.900
3	Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	20	100.200
	TỔNG CỘNG	2.327	46.448.114

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

III. Những khó khăn, vướng mắc, trong quá trình thực hiện giao khoán đất nông nghiệp tại một số công ty thành viên của Tập đoàn

3.1. Khu vực Đông Nam Bộ

+ Công ty CP Cao su Đồng Phú: khó khăn trong công tác quản lý, bảo vệ ranh giới thửa đất đang giao khoán; thiếu cơ chế xử lý khi người nhận khoán vi phạm hợp đồng khoán: khó thu hồi đất, có thể dẫn đến tranh chấp kéo dài.

+ Công ty CP Cao su Phước Hòa: Một số cá nhân nhận khoán, hiện nay đã chuyển chỗ ở cùng với việc chưa có ý kiến thống nhất đầy đủ của các thành viên trong hộ gia đình theo quy định nên chưa thực hiện việc điều chỉnh hợp đồng khoán theo Nghị định 168 được.

3.2. Khu vực Tây Nguyên

+ Công ty TNHH MTV Cao su Chư Sê: khó khăn tồn tại trong giao khoán đất nông nghiệp ở công ty hiện nay đối với diện tích 121,11ha giao khoán cho

Công an tỉnh Gia Lai trồng cao su từ năm 1997. Tuy nhiên, theo Kết luận của Thanh tra Chính phủ số 1452/KL-TTCT ngày 21/8/2020 thì việc ký kết hợp đồng giao khoán này là không đúng đối tượng.

Để khắc phục, hai bên đã ký biên bản thanh lý hợp đồng và thống nhất sẽ tiến hành bàn giao đất về cho Công ty quản lý sau khi hoàn tất hồ sơ và thanh lý vườn cây. Hiện tại, Công an tỉnh Gia Lai vẫn chưa bàn giao diện tích này về cho Công ty quản lý.

3.3. Khu vực duyên hải miền Trung

+ Công ty TNHH MTV Cao su Thanh Hóa: khó khăn tồn tại trong giao khoán đất nông nghiệp ở công ty hiện nay, hộ nhận khoán theo Nghị định 01/CP được làm lán trại tạm, được làm sân phơi, đào giếng nước, xây bể chứa nước, kênh dẫn nước, cống cấp thoát nước, chuồng nuôi gia súc, gia cầm. Đến nay, đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp người nhận khoán đất tự do chuyển nhượng, mua bán hợp đồng giao khoán, chuyển mục đích sử dụng đất trái pháp luật, tự ý xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ kiên cố trên đất nhận khoán.

+ Công ty TNHH MTV Cao su Hương Khê - Hà Tĩnh: Những khó khăn tồn tại trong giao khoán đất nông nghiệp ở công ty hiện nay xảy ra việc 02 hộ tự ý làm nhà tạm, chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm trên diện tích được giao khoán. Mặc dù Công ty đã phối hợp với các chính quyền địa phương kiểm tra lập biên bản nhưng các hộ chưa chấp hành triệt để.

IV. Nhận xét, đánh giá:

- Thực hiện Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính Phủ, hầu hết các Công ty/nông trường đã lập hồ sơ giao khoán cho các hộ nhận khoán là cán bộ công nhân viên, người dân sinh sống trên địa bàn, có hợp đồng giao khoán với thời hạn 50 năm nên quyền sử dụng đất của Công ty thực chất đã chuyển thành quyền sử dụng của người nhận khoán;

- Nghị định 135/NĐ-CP thay thế cho Nghị định số 01/CP ngày 04/01/1995 của Chính phủ không có tính kế thừa về thời gian giao khoán của hợp đồng;

- Nghị định 01/CP ngày 04/01/1995 và Nghị định 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005, hộ nhận khoán được làm lán trại tạm thời để bảo vệ sản xuất, cất giữ dụng cụ, vật tư sản xuất; được làm sân phơi, đào giếng nước, xây bể chứa nước, kênh dẫn nước, cống cấp thoát nước, chuồng trại nuôi gia súc, gia cầm,... Đến nay, đã nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp, người nhận khoán tự do chuyển nhượng đất, mua bán hợp đồng giao khoán, chuyển mục đích sử dụng đất trái phép, tự ý xây dựng nhà ở, công trình dịch vụ kiên cố trên đất nhận khoán là phổ biến, nhất là đất vùng ven đường quốc lộ, tỉnh lộ, gần khu công nghiệp,... Đây là vướng mắc lớn nhất trong giải quyết đất đai của các Công ty hiện nay.

- Khi thực hiện Nghị định 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016, thời gian giao khoán được kế thừa thời gian giao khoán còn lại của hai Nghị định trên.

Việc chuyển tiếp từ Nghị định 01/1995/NĐ-CP ngày 04/01/1995 sang Nghị định 135/2005/NĐ-CP và tiếp tục chuyển sang Nghị định 168/2016/NĐ-CP gặp

hiều vướng mắc do thiếu các hướng dẫn chi tiết và chưa có cơ chế kế thừa rõ ràng.

Những hạn chế trong quản lý, cơ chế xử lý vi phạm và việc phối hợp giữa các bên liên quan cũng tạo ra những rào cản trong quá trình thực hiện.

Những bất cập trong công tác giao khoán đất xuất phát từ nhiều nguyên nhân như hồ sơ đất đai chưa hoàn thiện, công tác giám sát chưa chặt chẽ và tranh chấp đất đai phức tạp. Việc xử lý các vi phạm còn lúng túng, thiếu chế tài răn đe, gây khó khăn cho quá trình thực hiện và quản lý hợp đồng khoán.

Như vậy, thời điểm hiện tại hợp đồng giao khoán đất nông lâm nghiệp được điều chỉnh bởi Nghị định số 168/2016/NĐ-CP ngày 27/12/2016 của Chính Phủ. Tuy nhiên, trên thực tế thời hạn của các hợp đồng giao khoán đã ký theo Nghị định số 01 (50 năm) đến nay vẫn còn thời hạn hợp đồng, đồng nghĩa hợp đồng vẫn còn hiệu lực. Chủ thể hợp đồng (là bên giao khoán) trước đây là các doanh nghiệp nhà nước nay đã được cổ phần hoá thành các công ty cổ phần ... không thể ký hợp đồng mới với bên nhận khoán, có chăng chỉ điều chỉnh phụ lục bổ sung về tên, địa chỉ công ty... cho phù hợp, nghĩa là điều chỉnh về hình thức hợp đồng, còn nội dung không thay đổi. Mặt khác bên nhận khoán do nhận thức hoặc do những bất đồng về quyền lợi với doanh nghiệp mà đa số không ký lại các hợp đồng. Như vậy, các bên vẫn tiếp tục thực hiện thời hạn còn lại của hợp đồng đã ký theo Nghị định số 01/CP năm 1995.

Mặc dù, Nghị định số 01/CP hiện tại không còn hiệu lực, nhưng khi giải quyết tranh chấp hợp đồng giao khoán quyền sử dụng đất nông, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản mà các bên đã ký theo hợp đồng này thì vẫn phải vận dụng Nghị định số 01/CP và các quy định của Bộ Luật dân sự để giải quyết.

Vì vậy, các cơ quan quản lý nhà nước cần có văn bản hướng dẫn áp dụng đối với các hợp đồng giao khoán đã ký theo Nghị định số 01/CP hiện đang còn thời hạn thực hiện. Trong đó cần giải thích hướng dẫn về quyền và nghĩa vụ của bên nhận khoán, bên giao khoán đã quy định tại Nghị định số 01/CP. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung quy định về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê khoán trong trường hợp bên thuê khoán vi phạm nghĩa vụ, vi phạm hợp đồng và hoàn thiện cơ chế, chính sách tổ chức sản xuất, khoán; sửa đổi, bổ sung Nghị định 168/2016/NĐ-CP nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất, chủ động tổ chức sản xuất kinh doanh.

V. Kiến nghị giải pháp

- Giải pháp khắc phục những tồn tại trong thực hiện giao khoán đất nông nghiệp tại các Công ty là xây dựng cơ chế đánh giá định kỳ việc sử dụng đất khoán, xử lý nghiêm trường hợp vi phạm hợp đồng khoán. Nếu sử dụng không đúng mục đích, sử dụng đất không hiệu quả thì phải thu hồi đất.

- Tiếp tục điều chỉnh quy định quản lý giao khoán tại Công ty nhằm gắn trách nhiệm của người nhận khoán ngày càng hiệu quả hơn. Tích cực điều chỉnh hợp đồng khoán theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP.

- Tăng cường công tác quản lý các hộ nhận khoán đối với các Đội sản xuất, đơn vị có diện tích giao khoán. Làm việc với các hộ nhận khoán vi phạm hợp đồng nhận khoán xây dựng nhà ở, chuồng trại trái phép để tháo dỡ. Rà soát những hộ đủ điều kiện để chuyển giao theo Nghị định 168/2016/NĐ-CP, đảm bảo quy định của Pháp luật.

Trên đây là báo cáo tổng hợp về tình hình thực hiện giao khoán đất nông nghiệp tại các đơn vị thành viên của Tập đoàn. Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam trân trọng cáo ./.

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLĐTXD.

TỔNG HỢP DIỆN TÍCH GIAO KHOẢN ĐẤT NÔNG NGHIỆP TẠI CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN TẬP ĐOÀN

STT		TÊN ĐƠN VỊ	Số hộ nhận khoán (hộ)	Diện tích (m ²)	Trong đó (m ²)		
					Nghị định 01/CP	Nghị định 135/NĐ-CP	Nghị định 168/NĐ-CP
I	KHU VỰC ĐÔNG NAM BỘ		306	11.375.414	983.274	6.746.214	3.645.926
1	1	TCty Cao su Đồng Nai		0			
2	2	Cty CP Cao su Bà Rịa		0			
3	3	Cty TNHH MTV CS Dầu Tiếng		0			
4	4	Cty TNHH MTV CS Lộc Ninh		0			
5	5	Cty TNHH MTV CS Bình Long		0			
6	6	Cty TNHH MTV CS Phú Riềng		0			
7	7	Cty CP Cao su Tân Biên		0			
8	8	Viện Nghiên cứu Cao su Việt Nam		0			
9	9	Cty CP Cao su Phước Hòa	295	10.392.140	0	6.746.214	3.645.926
10	10	Cty CP Cao su Đồng Phú	11	983.274	983.274	0	0
11	11	Cty CP CS Tây Ninh		0			
12	12	Cty CP Cao su Hòa Bình		0			
13	13	Cty CP ĐTXD CS Phú Thịnh		0			
14	14	Trường Cao đẳng Cao su		0			
II	KHU VỰC TÂY NGUYÊN		1	1.211.100	1.211.100	-	-
15	1	Cty TNHH MTV CS Kon Tum		-			
16	2	Cty TNHH MTV CS Chư Sê	1	1.211.100	1.211.100		
17	3	Cty TNHH MTV CS Chư Păh		0			
18	4	Cty TNHH MTV CS MangYang		0			
19	5	Cty TNHH MTV CS Chư Prông		0			
20	6	Cty TNHH MTV CS Ea Hleo		0			

21	7	Cty TNHH MTV CS Krông Buk		0			
22	8	Cty CP Cao su Sa Thầy		0			
23	9	Cty CP Cao su Bảo Lâm		0			
24	10	Cty TNHH MTV CS ChưMoray		0			
25	11	Cty TNHH CS Phước Hòa Đắk Lắk		0			
III	KHU VỰC DUYÊN HẢI MIỀN TRUNG		2.020	33.861.600	7.039.800	9.125.900	17.695.900
26	1	Cty TNHH MTV CS Thanh Hóa	1.966	28.612.500	4.979.600	6.877.600	16.755.300
27	2	Cty TNHH MTV CS Bình Thuận		0			
28	3	Cty TNHH MTV CS Hà Tĩnh		0			
29	4	Cty TNHH MTV CS Hương Khê HT	34	5.148.900	1.960.000	2.248.300	940.600
30	5	Cty TNHH MTV CS Quảng Trị	20	100.200	100.200	0	0
31	6	Cty TNHH MTV CS Quảng Nam		0			
32	7	Cty TNHH MTV CS Quảng Ngãi		0			
33	8	Cty TNHH MTV CS Nam Giang QN		0			
34	9	Cty CP Cao su Nghệ An		0			
IV	KHU VỰC MIỀN NÚI PHÍA BẮC		0	0	0	0	0
35	1	Cty CP Cao su Sơn La		0			
36	2	Cty CP Cao su Lai Châu		0			
37	3	Cty CP CS Lai Châu II		0			
38	4	Cty CP Cao su Điện Biên		0			
39	5	Cty CP CS Hà Giang		0			
40	6	Cty CP CS Yên Bái		0			
41	7	Cty CP CS Dầu Tiếng Lào Cai		0			
42	8	Cty CP CS Dầu Tiếng - Lai Châu		0			
43	9	Cty CP CS Mường Nhé - Điện Biên		0			
		TỔNG CỘNG	2.327	46.448.114	9.234.174	15.872.114	21.341.826

